

ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NGHỀ BẢO TRÌ THIẾT BỊ CƠ ĐIỆN
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

1. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

Nhà trường đã bố trí, sắp xếp đủ số lượng phòng học lý thuyết, phòng/xưởng thực hành kèm theo thiết bị, dụng cụ đào tạo, cụ thể như sau:

Nhà trường đã bố trí, sắp xếp đủ số lượng phòng học lý thuyết, phòng/xưởng thực hành kèm theo thiết bị, dụng cụ đào tạo, cụ thể như sau:

a) Cơ sở vật chất dùng cho giảng dạy:

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 32 phòng (tổng diện tích: 5.339,6m²);
- Số phòng, xưởng thực hành, thực tập: 07 phòng, xưởng (tổng diện tích: 2050 m²).
- Phòng thí nghiệm, cơ sở sản xuất thử nghiệm: 0 phòng, cơ sở (tổng diện tích: 0 m²).

b) Thiết bị, dụng cụ đào tạo dùng trong giảng dạy: Báo cáo thiết bị, dụng cụ đào tạo hiện có theo từng phòng, xưởng

TT	Tên thiết bị, dụng cụ đào tạo	Đơn vị tính	Số lượng thiết bị, dụng cụ đào tạo		Minh chứng kèm theo (Hợp đồng cung cấp thiết bị số..., Biên bản kiểm kê năm....)
			Theo danh mục thiết bị tối thiểu	Cơ sở có	
I	Phòng dạy lý thuyết				
I.1	Phòng ngoại ngữ				
1	Bàn điều khiển	Chiếc	1	1	Biên bản năm 2024
2	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc	1	1	Biên bản năm 2024
3	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
4	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
5	Tivi	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
6	Máy vi tính	Bộ	20	20	Biên bản năm 2024
7	Tai nghe	Bộ	20	20	Biên bản năm 2024

8	Scanner	Chiếc	1	1	Biên bản năm 2024
9	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	1	1	Biên bản năm 2024
II	Phòng thực hành cơ bản				
II.1	Phòng kỹ thuật cơ sở				
1	Máy vi tính	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
2	Tivi	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
3	Máy in	Chiếc	1	1	Biên bản năm 2024
4	Bộ bảo hộ lao động	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
5	Mô hình hệ thống an toàn điện.	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
6	Bộ dụng cụ cứu thương	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
7	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	2	2	Biên bản năm 2024
8	Bảng vẽ kỹ thuật	Bộ	35	35	Biên bản năm 2024
9	Mô hình vật thật các khối hình học cơ bản	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
10	Bộ mô hình chi tiết tiêu chuẩn cơ khí	Bộ	3	3	Biên bản năm 2024
11	Mô hình các trục, ổ trục và khớp nối	Bộ	3	3	Biên bản năm 2024
12	Mô hình mối ghép cơ khí	Bộ	3	3	Biên bản năm 2024
13	Mô hình vật thật các bộ truyền chuyển động	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
14	Mô hình cắt bỏ chi tiết 3D	Bộ	2	2	Biên bản năm 2024
15	Các loại mối ghép cơ khí	Bộ	2	2	Biên bản năm 2024
16	Chi tiết cơ khí điển hình	Bộ	5	5	Biên bản năm 2024
17	Bộ mô hình các cơ cấu điển hình	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
18	Bộ mô hình cơ cấu máy	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
19	Bộ mô hình cơ cấu ly hợp	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
20	Bộ mô hình các cơ cấu an toàn	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
21	Mô hình cơ cấu Cu lít	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
22	Bộ mô hình mối ghép và cơ cấu	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
23	Bộ dụng cụ kiểm tra độ chính xác máy	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
24	Mô hình định vị vật thể	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
25	Mô hình các chi tiết, cơ cấu định vị.	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
26	Bộ mô hình Đồ gá	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
27	Hộp giảm tốc	Hộp	1	1	Biên bản năm 2024
28	Cơ cấu kẹp chặt chi tiết	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
29	Bộ mẫu kim loại	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
30	Mô hình thanh chịu lực	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
31	Mô hình dầm chịu lực	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
32	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	1	1	Biên bản năm 2024

33	Bộ dụng cụ vẽ kỹ thuật	Bộ	35	35	Biên bản năm 2024
34	Sơ đồ phân tích các hệ lực	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
35	Sơ đồ thanh, dầm chịu lực	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
36	Bảng sơ đồ động máy khoan	Bản	1	1	Biên bản năm 2024
37	Bảng sơ đồ động máy tiện vạn năng	Bản	1	1	Biên bản năm 2024
38	Bảng sơ đồ động máy phay	Bản	1	1	Biên bản năm 2024
39	Bảng sơ đồ động máy bào	Bản	1	1	Biên bản năm 2024
40	Bảng sơ đồ động máy mài tròn	Bản	1	1	Biên bản năm 2024
41	Bảng sơ đồ động máy mài phẳng	Bản	1	1	Biên bản năm 2024
42	Bảng sơ đồ động máy doa vạn năng	Bản	1	1	Biên bản năm 2024
43	Bảng sơ đồ động máy tiện CNC	Bản	1	1	Biên bản năm 2024
44	Bảng sơ đồ động máy phay CNC	Bản	1	1	Biên bản năm 2024
II.2 Phòng thực hành Máy vi tính					
1	Máy vi tính	Bộ	20	20	Biên bản năm 2024
2	Tivi	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
3	Bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
4	Bộ phần mềm phonng chữ tiếng Việt	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
5	Phần mềm diệt virus	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
6	Scanner	Chiếc	1	1	Biên bản năm 2024
7	Thiết bị lưu trữ dữ liệu	Chiếc	1	1	Biên bản năm 2024
8	Máy in	Chiếc	1	1	Biên bản năm 2024
III Phòng thực hành chuyên môn nghề					
III.1 Xưởng Bảo trì xưởng					
1	Máy khoan để bàn kèm phụ tùng	Cái	3	3	Biên bản năm 2024
2	Máy tiện vạn năng	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
3	Máy bào kèm phụ tùng	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
4	Máy khoan đứng 25 mm	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
5	Thiết bị sửa chữa ổ trục	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
6	Ê tô bàn thợ	Cái	4	4	Biên bản năm 2024
7	Bàn rà (loại nhỏ)	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
8	Bàn nguội	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
9	Búa tạ 500g có cán	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
10	Xe nâng Pallet	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
11	Bàn lắp ráp thí nghiệm thủy lực	Bộ	3	3	Biên bản năm 2024
12	Bàn lắp ráp thí nghiệm khí nén	Bộ	3	3	Biên bản năm 2024

13	Panme đo ngoài 0-25mm	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
14	Áp kế thủy lực	Cái	20	20	Biên bản năm 2024
15	Thiết bị kiểm tra độ đồng tâm	Bộ	2	2	Biên bản năm 2024
16	Máy gia nhiệt vòng bi, bánh răng di động.	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
17	Tủ dụng cụ sửa chữa 7 ngăn C-7DW191V/ Jonnesway Xanh	Cái	3	3	Biên bản năm 2024
18	Máy khoan cầm tay 6307/Makita	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
19	Máy mài cầm tay GA4034/Makita	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
20	Cảo vòng bi 3 chấu Jonnesway	Cái	3	3	Biên bản năm 2024
21	Bộ dụng cụ sửa ren trong 1007/ NES Israel	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
22	Bộ dụng cụ sửa ren ngoài 1000/ NES Israel	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
23	Bộ dụng cụ đóng vòng bi IMPACT 39/BEGA Hà Lan	Bộ	1	1	Biên bản năm 2024
24	Thước cặp cơ 530-312/ Mitutoyo	Cái	3	3	Biên bản năm 2024
25	Máy nén khí pit tong LEOBAO 3HP	cái	1	1	Biên bản năm 2024
26	Máy mài 2 đá GB602/ Makita	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
27	Hệ thống băng tải con lăn	Bộ	2	2	Biên bản năm 2024
28	Hệ thống băng tải cao su	Bộ	2	2	Biên bản năm 2024
29	Đế từ và đồng hồ so cơ	Bộ	10	10	Biên bản năm 2024
30	Hộp giảm tốc	Cái	6	6	Biên bản năm 2024
31	Ê tô máy khoan bàn, ngàm 150mm	Cái	10	10	Biên bản năm 2024
32	Bàn nguội	Cái	10	10	Biên bản năm 2024
33	Thước cặp cơ	Cái	5	5	Biên bản năm 2024
34	Máy rửa chi tiết và thổi khô khí nén	Cái	4	4	Biên bản năm 2024
35	Thiết bị cân chỉnh trục E720	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
36	Hệ thống băng tải hỗn hợp	Bộ	2	2	Biên bản năm 2024
37	Máy ép thủy lực để bàn	Cái	4	4	Biên bản năm 2024
38	Thiết bị ép cơ khí	Cái	3	3	Biên bản năm 2024
39	Các loại bơm	Cái	20	20	Biên bản năm 2024
40	Các loại xy lanh thủy lực	Cái	10	10	Biên bản năm 2024

41	Các loại xy lanh khí nén	Cái	10	10	Biên bản năm 2024
42	Các loại van thủy lực	Cái	10	10	Biên bản năm 2024
43	Các loại van khí nén	Cái	10	10	Biên bản năm 2024
44	Mô hình học tập thủy lực – khí nén	Cái	4	4	Biên bản năm 2024
III.2 Xưởng Bảo trì máy					
1	Máy khoan để bàn kèm phụ tùng	Cái	3	3	Biên bản năm 2024
2	Máy phay đứng kèm phụ tùng làm rãnh	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
3	Máy tiện chống tâm kèm phụ tùng	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
4	Máy mài bề	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
5	Máy cưa sắt kèm phụ tùng	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
6	Máy mài Hitachi 230mm	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
7	Máy khoan đứng 25 mm	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
8	Bàn rà (loại nhỏ)	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
9	Trục ép	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
10	Bàn nguội	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
11	Búa tạ 500g có cán	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
12	Máy khoan cần K525	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
13	Xe nâng Pallet	Cái	3	3	Biên bản năm 2024
14	Panme đo ngoài 0-25mm	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
15	Cần siết lực dầu 1/2"	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
16	Thiết bị kiểm tra độ đồng tâm	Bộ	2	2	Biên bản năm 2024
17	Máy gia nhiệt vòng bi, bánh răng di động.	Bộ	2	2	Biên bản năm 2024
18	Ê tô xoay C-A11/Jonnesway	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
19	Tủ dụng cụ sửa chữa 7 ngăn C-7DW191V/ Jonnesway Xanh	Cái	3	3	Biên bản năm 2024
20	Máy khoan cầm tay 6307/Makita	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
21	Máy mài cầm tay GA4034/Makita	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
22	Cảo vòng bi 3 chấu Jonnesway	Cái	3	3	Biên bản năm 2024
23	Bộ dụng cụ sửa ren trong 1007/NES Israel	Bộ	2	2	Biên bản năm 2024

24	Bộ dụng cụ sửa ren ngoài 1000/ NES Israel	Bộ	2	2	Biên bản năm 2024
25	Bộ dụng cụ đóng vòng bi IMPACT 39/BEGA Hà Lan	Bộ	2	2	Biên bản năm 2024
26	Thước cặp cơ 530-312/ Mitutoyo	Cái	3	3	Biên bản năm 2024
27	Máy uốn ống	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
28	Bút đo nhiệt độ	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
29	Máy phân tích độ rung và cân bằng động	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
30	Dụng cụ kiểm tra dầu	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
31	Dụng cụ đo độ nhót	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
32	Dụng cụ siêu âm phát hiện rò khí	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
33	Máy đo độ cứng cầm tay	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
34	Máy cắt ren ống	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
35	Máy đo độ nhám	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
36	Máy đo độ rung	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
III.3 Xưởng Ngụội					
1	Ê tô bàn thợ	Cái	16	16	Biên bản năm 2024
2	Bàn rà (loại nhỏ)	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
3	Bàn ngụội	Cái	16	16	Biên bản năm 2024
4	Đe rèn 30kg	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
5	Búa tay rèn loại 3 kg	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
6	Búa tạ 500g có cán	Cái	9	9	Biên bản năm 2024
7	Máy mài để bàn kèm theo phụ tùng	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
8	Ê tô bàn ngàm 120mm	Cái	20	20	Biên bản năm 2024
9	Máy khoan bàn và taro LGT340A/ Fullmark	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
10	Ê tô xoay C-A11/Jonnesway	Cái	18	18	Biên bản năm 2024
11	Thước cặp cơ 530-312/ Mitutoyo	Cái	4	4	Biên bản năm 2024
III.4 Xưởng Hàn					
1	Búa tạ 500g có cán	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
2	Máy hàn điện DC 250A	Cái	5	5	Biên bản năm 2024
3	Bộ hàn hơi	Cái	2	2	Biên bản năm 2024

4	Máy hàn MIG	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
5	Máy hàn điểm	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
6	Máy hàn TIG	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
7	Máy cắt PLASMA 70A	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
8	Máy nén khí dùng cho máy cắt plasma	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
9	Bình khí Argon	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
10	Thiết bị hàn điện kèm theo phụ tùng	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
11	Thiết bị hàn hơi kèm theo phụ tùng	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
12	Máy mài bệ	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
13	Máy cắt plasma HK 70A-220V/ Hồng Ký	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
14	Máy cắt Plasma CNC	Cái	1	1	Biên bản năm 2024
15	Máy nén khí	Cái	2	2	Biên bản năm 2024
16	Hệ thống đào tạo hàn thực tế ảo	Cái	4	4	Biên bản năm 2024

2. Đội ngũ nhà giáo

a) Tổng số nhà giáo: 13 người (tương đương 20/1 nhà giáo quy đổi). Trong đó:

- Nhà giáo cơ hữu: 06 người.

- Nhà giáo thỉnh giảng: 05 người (tổng số giờ giảng dạy/năm: 200 giờ/năm, tương đương 20/1 nhà giáo quy đổi).

- Cán bộ quản lý tham gia giảng dạy: 01 người (tổng số giờ giảng dạy/năm: 30 giờ/năm, tương đương 20/1 nhà giáo quy đổi).

b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/nhà giáo quy đổi: 20 học sinh, sinh viên/nhà giáo.

c) Chất lượng nhà giáo cơ hữu

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1	Phạm Thị Kiều Diễm	Thạc sỹ Giáo dục học Kỹ sư Kỹ thuật công nghiệp	Sư phạm nghề Sư phạm bậc 2 Ngoại ngữ anh văn B	Kỹ năng nghề quốc gia	MĐ09 MĐ10 MĐ13 MH14 MĐ15

			Tin học ứng dụng cơ bản		MH16 MĐ21 MH27
2	Võ Minh Tuấn	Kỹ sư Cơ tin	Sư phạm nghề Ngoại ngữ anh văn B Tin học B	Kỹ năng nghề quốc gia	MĐ15 MĐ17 MĐ18 MĐ19 MĐ22 MĐ23 MĐ24
3	Huỳnh Nguyễn Thảo Nguyên	Thạc sĩ Thạc sĩ kỹ thuật cơ khí	Sư phạm nghề Ngoại ngữ anh văn B Tin học B	Kỹ năng nghề quốc gia	MĐ09 MĐ10 MĐ13 MH14 MĐ15 MH16 MH27
4	Lê Anh Gin	Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy	Sư phạm nghề Ngoại ngữ anh văn B Tin học B	Không	MĐ15 MĐ17 MĐ18 MĐ19 MĐ22 MĐ23 MĐ24 MĐ26
5	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Thạc sĩ Thạc sĩ kỹ thuật cơ khí	Sư phạm nghề Ngoại ngữ anh văn B Tin học B	Kỹ năng nghề quốc gia	MĐ09 MĐ10 MĐ13 MH14 MĐ15 MH16 MĐ21

6	Nguyễn Phạm Ngọc Tuyền	Kỹ sư Kỹ thuật công nghiệp	Sư phạm nghề Ngoại ngữ anh văn B Tin học B	Không	MĐ09 MĐ10 MĐ13 MH14
---	------------------------	----------------------------	--	-------	------------------------------

d) Chất lượng cán bộ quản lý

1	Lý Ngọc Quang	Thạc sỹ Giáo dục học	Sư phạm nghề Ngoại ngữ anh văn B Tin học B	Kỹ năng nghề quốc gia	MH08
---	---------------	----------------------	--	-----------------------	------

e) Chất lượng nhà giáo thỉnh giảng (nếu có)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun, tín chỉ được phân công giảng dạy	Tổng số giờ giảng dạy/năm
1	Nguyễn Đức Hiệp	Kỹ sư Kỹ thuật công nghiệp	Sư phạm bậc 2 Ngoại ngữ anh văn B Tin học B	Không	MĐ08	200
2	Mai Quốc Hưng	Thạc sỹ Quản lý giáo dục Kỹ sư Cơ điện tử	Sư phạm nghề Ngoại ngữ anh văn B1 Tin học A	Kỹ năng nghề quốc gia	MĐ09 MĐ10	200
3	Bùi Quốc Hưng	Kỹ sư Kỹ thuật công nghiệp	Sư phạm bậc 2 Ngoại ngữ anh văn B Tin học A	Không	MĐ09 MĐ10	200
4	Chương Thiết Tú	Thạc sỹ kỹ thuật cơ khí	Sư phạm bậc 2 Ngoại ngữ anh văn B Tin học A	Không	MĐ 10	100



5	Văn Thị Cẩm Ngân	Kỹ sư Kỹ thuật công nghiệp	Sư phạm bậc 2 Ngoại ngữ anh văn B Tin học A	Không	MĐ 09 MĐ10	
6	Lê Dương	Kỹ sư Kỹ thuật công nghiệp	Chứng chỉ Sư phạm Ngoại ngữ anh văn Bậc 3 Tin học A	Không	MĐ 09 MĐ10 MĐ12 MĐ17 MĐ18	

3. Chương trình đào tạo

- a) Tên chương trình đào tạo: bảo trì thiết bị cơ điện, trình độ Cao đẳng
- b) Quyết định ban hành chương trình đào tạo số: 445/QĐ-TCĐNVS, ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Việt Nam – Singapore.
- c) Đối tượng tuyển sinh: Người tốt nghiệp Trung cấp cùng nghề đào tạo đạt loại Khá trở lên được dự tuyển ngay sau khi tốt nghiệp, nếu tốt nghiệp loại TB-Khá hoặc Trung bình phải có ít nhất một năm kinh nghiệm trước khi dự tuyển
- d) Thời gian đào tạo: 03 năm
- đ) Văn bằng, chứng chỉ cấp cho người học: Bằng Cao đẳng
- e) Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ (*)	Thời gian học tập (giờ)			
				Trong đó		
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung					
MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	60	10	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	15	56	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2

MH 06	Tiếng Anh	4	120	35	79	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở					
MH07	Kỹ năng mềm	2,0	30	15	13	2
MH08	Anh văn nâng cao	8,0	120	60	54	6
MĐ09	Vẽ kỹ thuật	3,0	60	30	27	3
MĐ10	Dung sai và đo lường kỹ thuật	3,0	60	30	27	3
MĐ11	Kỹ thuật điện - điện tử	3,0	60	30	26	4
MĐ12	AUTOCAD	3,0	60	30	26	4
MH13	An toàn lao động	2,0	30	28	0	2
MH14	Đại cương thiết bị cơ điện	3,0	45	42	0	3
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn					
MĐ15	Nguội và gia công chi tiết bằng dụng cụ thiết bị cầm tay	3,0	75	15	57	3
MH16	Tổ chức quản lý bảo trì	2,0	30	28	0	2
MĐ17	Kỹ thuật tiện	4,0	90	30	56	4
MĐ18	Kỹ thuật phay	4,0	90	30	56	4
MĐ19	Hàn cơ bản	3,0	60	30	27	3
MĐ20	Lắp đặt và điều khiển động cơ điện	5,0	120	30	85	5
MĐ21	Khí nén và điện khí nén	3,0	60	30	27	3
MĐ22	Bảo trì thiết bị cơ khí	5,0	120	30	85	5



MĐ23	Bảo trì thiết bị xưởng	4,0	90	30	56	4
MĐ24	Bảo dưỡng hệ thống bôi trơn, làm mát	4,0	90	30	56	4
MĐ25	Bảo trì máy điện	4,0	90	30	56	4
MĐ26	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống tự động hóa	8,0	180	60	113	7
MH27	Quản lý thiết bị cơ điện	4,0	60	56	0	4
MĐ28	Thực tập tại doanh nghiệp/Đồ án môn học	8,0	360	0	360	0
MĐ29	Thực tập tốt nghiệp	8,0	360	0	360	0
II.3	Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao					
TỔNG CỘNG		115,0	2775	842	1831	102
Tỉ lệ			100%	30,34%	65,98%	3,68%

4. Về giáo trình, tài liệu giảng dạy

Quyết định số 831/QĐ-TCD9NVS, ngày 30 tháng 9 năm 2025 về việc ban hành/ lựa chọn giáo trình đưa vào sử dụng

Danh mục giáo trình bao gồm: Tác giả, tên giáo trình, nơi xuất bản, năm xuất bản

Mã MH/MĐ	Tên giáo trình	Tác giả	Năm xuất bản	Ghi chú
MH 01	Giáo dục chính trị	Khoa Tin học Đại cương	2025	
MH 02	Pháp luật	Khoa Tin học Đại cương	2025	
MH 03	Giáo dục thể chất	Khoa Tin học Đại cương	2025	
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	Khoa Tin học Đại cương	2025	
MH 05	Tin học	Khoa Tin học Đại cương	2025	
MH 06	Tiếng Anh	Khoa Tin học Đại cương	2025	

MH07	Kỹ năng mềm	Khoa Cơ khí	2025	
MH08	Anh văn nâng cao	Khoa Tin học Đại cương	2025	
MĐ09	Vẽ kỹ thuật	Khoa Cơ khí	2025	
MĐ10	Dung sai và đo lường kỹ thuật	Khoa Cơ khí	2025	
MĐ11	Kỹ thuật điện - điện tử	Khoa Cơ khí Khoa Điện – Điện tử	2025	
MĐ12	AUTOCAD	Khoa Cơ khí	2025	
MH13	An toàn lao động	Khoa Cơ khí	2025	
MH14	Đại cương thiết bị cơ điện	Khoa Cơ khí	2025	
MĐ15	Nguội và gia công chi tiết bằng dụng cụ thiết bị cầm tay	Khoa Cơ khí	2025	
MH16	Tổ chức quản lý bảo trì	Khoa Cơ khí	2025	
MĐ17	Kỹ thuật tiện	Khoa Cơ khí	2025	
MĐ18	Kỹ thuật phay	Khoa Cơ khí	2025	
MĐ19	Hàn cơ bản	Khoa Cơ khí	2025	
MĐ20	Lắp đặt và điều khiển động cơ điện	Khoa Cơ khí Khoa Điện – Điện tử	2025	
MĐ21	Khí nén và điện khí nén	Khoa Cơ khí Khoa Điện – Điện tử	2025	
MĐ22	Bảo trì thiết bị cơ khí	Khoa Cơ khí	2025	
MĐ23	Bảo trì thiết bị xưởng	Khoa Cơ khí	2025	
MĐ24	Bảo dưỡng hệ thống bôi trơn, làm mát	Khoa Cơ khí	2025	
MĐ25	Bảo trì máy điện	Khoa Điện – Điện tử	2025	
MĐ26	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống tự động hóa	Khoa Cơ khí Khoa Điện – Điện tử	2025	
MH27	Quản lý thiết bị cơ điện	Khoa Cơ khí	2025	

Thuận An, ngày tháng năm 2025

TRƯỜNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Chữ

Trần Công Đức



Trần Hùng Phong